TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĨNH HƯNG** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 11-9-2017
Về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH HƯNG TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuân Liễu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lâm Hồng Hải

2. Bà Nguyễn Thị Kim Hạnh

- Thư ký phiên tòa: bà Đặng Thị Thúy- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng.

Trong các ngày 24 tháng 8 năm 2017 và ngày 11 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 66/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2017 về tranh chấp "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2017/QĐXX-ST ngày 10 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nghiêm Thị M, sinh năm: 1970. Trú tại: số nhà 152, ấp B, xã T, huyện V, tỉnh Long An.

Bị đơn: Ông Nguyễn Thanh L, sinh năm 1975. Trú tại: số nhà 152, ấp B, xã T, huyện V, tỉnh Long An .

Các đương sự có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Về yêu cầu của nguyên đơn: Theo đơn xin ly hôn đề ngày 03/7/2017, tại phiên hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu Tòa án giải quyết: Về hôn nhân: xin ly hôn với ông L; Về con chung: yêu cầu nuôi con chung Nguyễn Anh Th, sinh năm 2002, không yêu cầu ông L cấp dưỡng.

Tại bản tự khai, biên bản hòa giải bị đơn không chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn, trường hợp Tòa án đưa vụ án ra xét xử thì về hôn nhân đồng ý xử lý theo quy định của pháp luật, đồng ý giao con chung Nguyễn Anh Th, sinh năm 2002 cho nguyên đơn nuôi dưỡng, bị đơn sẽ không cấp dưỡng nuôi con, tại phiên tòa ngày 11/9/2017, ông L đồng ý theo toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

Về các tình tiết cụ thể của vụ án được các đương sự trình bày cụ thể tại bản tự khai, biên bản hòa giải như sau:

Nguyên đơn và bị đơn đều thống nhất trình bày: Trước khi về sống chung với nhau bà M và ông L tìm hiểu nhau thời gian 01 năm, từ năm 1998 ông bà về chung sống với nhau nhưng không có tổ chức lễ cưới và cũng không có đăng ký kết hôn. Bà M và ông L cất nhà tại ấp B, xã T, huyện V, tỉnh Long An; Cuộc sống của hai người không có hạnh phúc, thường phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống về vùng miền (bà M quê ở miền Bắc còn ông L quê ở miền Nam), không thống nhất với nhau trong cách nuôi dạy con chung; Từ năm 2014, bà M và ông L tuy còn sống chung nhà nhưng mọi sinh hoạt đều riêng tư, ông L và bà M ở chung nhà nhưng không có sự gần gủi với nhau; Bà M và ông L có hai con chung tên Nguyễn Nam Nhựt Th, sinh ngày 24/11/1998 và Nguyễn Anh Th, sinh ngày 27/11/2002; Về nợ chung: không có; Về tài sản chung tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, bà M còn trình bày ông L thường xuyên uống rượu, đập phá đồ đạc, chửi mắng đánh đập bà, hầu như cả tuần đều xảy ra cự cãi với nhau nhưng bà vẫn cố gắng chịu đựng vì thương các con còn nhỏ; Nay các con bà đã lớn nên bà muốn chấm dứt cuộc sống vợ chồng với ông L; Bà cũng đã nhiều lần trình báo sự việc lên ban quản lý ấp và công an xã T để giải quyết nhưng cũng không cải thiện được tình trạng mâu thuẫn giữa bà và ông L. Còn ông L thì cho rằng ông không nhậu thường xuyên mà thỉnh thoảng mới nhậu, khoảng 3 năm trở lại đây thì ông nhậu thường hơn, một tuần ông nhậu khoảng 02 đến 04 ngày vào buổi chiều hoặc khi có đám tiệc, hàng ngày ông vẫn đi giữ 02 con bò; Mỗi lần uống rượu xong ông đều đi ngủ nhưng bà M cứ kiếm chuyện chửi nên ông mới bức xúc rồi đập mấy cái chén; Lúc trước thì ông có đánh bà M bị bầm tím ở mắt và có băng bó vài chỗ nhưng chưa đến mức nhập viện, ông đánh bà M là vì bà M xúc phạm gia đình ông.

Tại phiên tòa, các đương sự vẫn giữ nguyên lời trình bày nêu trên.

Khi yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, bà M đã giao nộp cho Tòa án bản sao giấy khai sinh các con, tờ tường trình về cư trú ông L, bản tự khai, bản photo giấy chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu gia đình.

Ngoài ra, Tòa án còn tiến hành thu thập chứng cứ về việc đăng ký kết hôn của bà M và ông L thì được UBND xã T, huyện V, tỉnh Long An xác nhận bà M và ông L sống như vợ chồng từ năm 1998 nhưng không có đăng ký kết hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về thẩm quyền: Bà M và ông L chung sống như vợ chồng xuất phát từ tình cảm của hai bên và trên tinh thần tự nguyện nhưng không đăng ký kết hôn, nay bà M yêu cầu ly hôn với ông L và tranh chấp nuôi con chung nên Tòa án căn cứ vào khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân gia đình thụ lý giải quyết vụ án; Đồng thời, ông L có nơi cư trú tại ấp B, xã T, huyện V, tỉnh Long An nên căn cứ vào khoản 1 Điều

28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

Về tố tụng: phiên tòa diễn ra ngày 24/8/2017, bà M và ông L trình bày không rõ ràng về việc có đăng ký hôn hay không nên Hội đồng xét xử quyết định ngừng phiên tòa để thu thập thêm tài liệu chứng cứ có liên quan là phù hợp với quy định của pháp luật tại Điều 259 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan hệ hôn nhân: Theo công văn số 205/CV-UBND ngày 25/8/2017 của UBND xã T xác nhận thì bà M và ông L không có đăng ký kết hôn; đồng thời ông L và bà M cũng đều khai thống nhất từ năm 1998, bà M và ông L chung sống với nhau như vợ chồng trên cơ sở tự nguyện nhưng không có đăng ký kết hôn. Vì vậy, quan hệ giữa bà M và ông L không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Nay bà M yêu cầu ly hôn, Tòa án căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 53 Luật hôn nhân gia đình không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà M và ông L.

Về nuôi con chung: Bà M và ông L đều thống nhất có hai con chung tên Nguyễn Nam Nhựt Th, sinh ngày 24/11/1998 đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; Đối với cháu Nguyễn Anh Th, sinh ngày 27/11/2002 thì cháu có nguyện vọng muốn ở với mẹ (là bà M); đồng thời bà M có việc làm ổn định, đảm bảo chăm lo cho cháu Nguyễn Anh Th và ông L thì thống nhất giải quyết theo nguyện vọng của cháu Nguyễn Anh Th nên Tòa án chấp nhận yêu cầu của bà M, giao cháu Nguyễn Anh Th cho bà M trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật tại các điều 15, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình; Bà M không yêu cầu cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án này.

Ông L có quyền thăm nom, chăm sóc con chung và quyền yêu cầu thay đổi nuôi con theo quy định pháp luật.

Về chia tài sản chung: Các đương sự thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về chia nợ chung: Các đương sự thống nhất không có.

Từ các nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu về tranh chấp nuôi con của bà M.

[4] Về án phí: Do bà M có đơn yêu cầu ly hôn nên bà M phải chịu án phí hôn nhân gia đình theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 259 Bộ luật tố tụng Dân sự; các điều 15, 53, 81, 82, 83, 84, Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Chấp nhận một phần yêu cầu của bà Nghiêm Thị M về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con chung.

Về quan hệ hôn nhân: không công nhận bà Nghiêm Thị M và ông Nguyễn Thanh L là vợ chồng.

Về nuôi con chung: Giao con chung tên Nguyễn Anh Th, sinh ngày 27/11/2002 (nữ) cho bà Nghiêm Thị M trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc. Bà M không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con chung, một trong hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định.

Về án phí: Bà Nghiêm Thị M chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm sung công quỹ Nhà nước. Chuyển 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Vĩnh Hưng ngày 14 tháng 7 năm 2017 theo biên lai thu tiền số 0004532 sang tiền án phí.

Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND,VKSND Tỉnh Long An;
- VKSND huyện Vĩnh Hưng;
- Chi cục THADS/H Vĩnh Hưng;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Xuân Liễu